

Bản án số: 119/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 08 - 02 - 2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G không tham gia phiên tòa (theo Công văn số 10/CV-KSXX-HNGĐ, ngày 02/02/2023).

Ngày 08/02/2023, tại Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1974/2022/HNGĐST, ngày 30/11/2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09/01/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Minh Đ; địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện P, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Mỹ L; địa chỉ: Số D đường H, Phường N, quận G.

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 15/11/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Võ Minh Đ trình bày:

Ông và bà L tự nguyện tìm hiểu, sống chung năm 1992, không đăng ký kết hôn theo quy định của nhà nước. Lý do không đăng ký kết hôn vì điều kiện công tác. Ông bà có 04 con chung tên Võ Thị Hồng P, sinh ngày 05/8/1996, Võ Thúy Hoàng T, sinh ngày 29/7/1994, Võ Kim T, sinh ngày 26/01/1992 và Võ Thị Tài H, sinh ngày 02/10/1999 (đã trưởng thành).

Quá trình sống chung, ông bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn về tính cách, lối sống, nhận thức về gia đình, quan điểm hoàn toàn trái ngược nhau, không có sự hoà hợp, chia sẻ trong cuộc sống và không tin tưởng nhau. Hai bên

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Do không hoà giải được mâu thuẫn, ông bà sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ông ổn định cuộc sống. Yêu cầu cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà L;
- Về con chung: Ông Đ và bà L có 04 con chung Võ Thị Hồng P, sinh ngày 05/8/1996, Võ Thúy Hoàng T, sinh ngày 29/7/1994, Võ Kim T, sinh ngày 26/01/1992 và Võ Thị Tài H, sinh ngày 02/10/1999 (đã trưởng thành).
- Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai ngày 06/12/2022 và biên bản hòa giải ngày 14/12/2022, bị đơn - bà Phan Thị Mỹ L trình bày:* Bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Ông Đ có đơn tranh chấp về ly hôn với bà L. Bà L cư trú tại quận G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

- *Về người tham gia tố tụng:*

Ông Đ và bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Yêu cầu của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Võ Minh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ lời khai của các đương sự, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Ông Đ và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Việc ông bà sống chung nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 5 (Điều kiện kết hôn) và Điều 8 (Đăng ký kết hôn) Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Ông Đ có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà L. Bà L đồng ý. Căn cứ Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014, quy định giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Đ và bà L.

Về con chung: Các con chung của Ông Đ và bà L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 14, 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Minh Đ và bà Phan Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Ông Đ và bà L có 04 con chung tên Võ Thị Hồng P, sinh ngày 05/8/1996, Võ Thúy Hoàng T, sinh ngày 29/7/1994, Võ Kim T, sinh ngày 26/01/1992 và Võ Thị Tài H, sinh ngày 02/10/1999 (Các con đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Ông Đ phải chịu. Cấn trừ vào số tiền Ông Đ đã tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2022/0012209, ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Ông Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Ông Đ và bà L được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hạnh